

CHỦ ĐỀ 2: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

BÀI 5: MẠNG XÃ HỘI

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội.
- Nêu được tên của một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó.
- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của MXH để giao lưu và chia sẻ thông tin.
- Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
 - *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
 - *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.
- **Năng lực tin học:**
 - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập tin học, rèn luyện năng lực tìm hiểu tin học.
 - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề, rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy tin học.

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ:* có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập thực tiễn.
- *Trách nhiệm:* sử dụng mạng xã hội đúng mục đích.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Tin học 7.
- Máy tính, máy chiếu.

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT Tin học 7.
- Đọc và tìm hiểu trước Bài 5.

III. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG

- Tiết 1: phần Khởi động, Khám phá
- Tiết 2: phần Luyện tập, Thực hành, Vận dụng

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS suy nghĩ, phát biểu trao đổi trước lớp về những dịch vụ trên Internet mà HS đã sử dụng để gửi, nhận dữ liệu, giao tiếp qua internet; những loại thông tin, dữ liệu HS có thể gửi, nhận khi sử dụng dịch vụ internet.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về những dịch vụ trên Internet để trao đổi thông tin, những dạng thông tin có thể trao đổi qua dịch vụ đó.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Em sử dụng những ứng dụng nào để: gửi, nhận thông tin, tài liệu học tập; trao đổi, trò chuyện và giao tiếp với bạn bè, người thân.

+ Những loại tài liệu, dữ liệu nào có thể được gửi, nhận thông qua phần mềm mạng đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

+ Một số ứng dụng HS sử dụng để trao đổi thông tin trên Internet như Gmail, Outlook, Zalo, Messenger, Skype, MS Teams, Google meet, Facebook,

+ Một số dạng thông tin có thể gửi, nhận thông qua các dịch vụ đó: văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, các liên kết,

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mạng xã hội là cụm từ đã quá quen thuộc với mọi người, đặc biệt là trong thời đại công nghệ phát triển như ngày nay. Vậy, mạng xã hội là gì? Sử dụng mạng xã hội như thế nào? Đi kèm với phát triển rộng rãi của mạng xã hội đó con người sẽ làm như thế nào để khỏi việc sử dụng mạng xã hội cách? Để nắm rõ hơn những vấn đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm trong bài học ngày hôm nay – Bài 5: Mạng xã hội.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Mạng xã hội

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội.
- Nêu được tên của một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet và loại trao đổi thông tin trên kênh đó.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin SGK tr.22, 23, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS nêu được một số kênh trao đổi thông tin phổ biến trên Internet.
- HS nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội.
- HS nêu được địa chỉ website và một số chức năng chính của một vài mạng xã hội cụ thể.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 1a – SGK tr.22 và cho biết: <i>+ Những loại thông tin nào có thể được gửi, nhận qua Internet?</i>	1. Mạng xã hội a) Một số kênh trao đổi thông tin trên Internet * Hoạt động 1: Đọc (và quan sát)

+ Em hãy nêu một số kênh trao đổi thông tin phổ biến hiện nay trên Internet?

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Em đã sử dụng mạng xã hội nào?

+ Em có thể làm gì khi tham gia MXH?

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin SGK, đọc Bảng 1 – SGK tr.22, 23 và cho biết:

+ Mạng xã hội là gì?

+ Nêu một số đặc điểm của mạng xã hội.

+ Nêu một số chức năng cơ bản của mạng xã hội.

+ Website vietnamnet.vn (hay vnexpress.net, tienphong.vn,...) có phải là mạng xã hội không? Tại sao?

Bảng 1. Chức năng một số mạng xã hội

Mạng xã hội và địa chỉ website	Một số chức năng chính
 facebook.com	Tạo hồ sơ cá nhân; chia sẻ bài viết, hình ảnh, video, suy nghĩ, ý kiến cá nhân, ...; gọi điện thoại, gọi điện thoại kèm hình ảnh; tìm kiếm, kết nối, giao lưu với bạn bè.
 youtube.com	Tìm kiếm, xem, bình luận, chia sẻ video hoặc đăng tải video.
 instagram.com	Đăng tải, chia sẻ, sắp xếp, chỉnh sửa hình ảnh, video.

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về mạng xã hội:

- Những dạng thông có thể trao đổi trên Internet: văn bản, hình ảnh, âm thanh, video.

- Một số dịch vụ (kênh) trao đổi thông tin phổ biến trên Internet hiện nay: thư điện tử, nhắn tin, gọi điện (voice call), gọi điện thoại kèm hình ảnh (video call), diễn đàn (forum), trang thông tin điện tử cá nhân (blog) và mạng xã hội.

*** Hoạt động 2: Làm**

Ví dụ: Em sử dụng mạng xã hội Facebook. Thông qua Facebook, em có thể chia sẻ bài viết, hình ảnh, video, cảm nghĩ...; gọi điện thoại, gọi video; tìm kiếm, kết nối, giao lưu với bạn bè.

b. Mạng xã hội

*** Hoạt động 1: Đọc (và quan sát)**

- Mạng xã hội là kênh trao đổi thông tin trên Internet, phổ biến nhất là dưới dạng website như facebook.com, youtube.com,...

- Đặc điểm cơ bản của mạng xã hội:

+ Người dùng MXH đều có tài khoản và hồ sơ riêng.

+ Để tham gia MXH thì người dùng phải đăng kí tài khoản.

+ Nội dung trên MXH do người dùng tự đăng tải lên, tự quản lí.

- Chức năng cơ bản của MXH:

+ Kết nối người dùng.

+ Trò chuyện, trao đổi, chia sẻ.

+ Tìm kiếm và lưu trữ thông tin.

- Website vietnamnet.vn (hay vnexpress.net, tienphong.vn,...) không phải là mạng xã hội vì những



Mạng xã hội có thể truy cập dễ dàng từ nhiều phương tiện, thiết bị như máy tính, điện thoại,...



Đặc điểm của mạng xã hội



Đặc điểm của mạng xã hội

- GV mở rộng:

+ Zalo  là MXH phổ biến ở Việt Nam, cho phép gọi điện thoại, gọi điện thoại kèm hình ảnh, nhắn tin đa phương tiện, tìm kiếm và kết nối bạn bè.

+ Để đăng kí tham gia Zalo, người dùng cần cài đặt ứng dụng Zalo trên máy tính, điện thoại thông minh.

- GV lưu ý với HS: Để tham gia mạng xã hội thì phải đăng kí để được cấp tài khoản mạng xã hội; người dùng tự đăng tải và quản lí thông tin trên mạng xã hội của mình.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi:

Bài tập 1: Nêu những chức năng của mạng xã hội mà em biết.

Bài tập 2: Nêu tên, địa chỉ website của một số mạng xã hội. Tại sao em biết website đó là mạng xã hội?

website đó không kết nối người dùng, không thực hiện chức năng trò chuyện, trao đổi và chia sẻ.

* Hoạt động 2: Làm

Bài tập 1: Chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối người dùng, trò chuyện, trao đổi, chia sẻ, tìm kiếm và lưu trữ thông tin.

Bài tập 2: Một số website mạng xã hội là:

- facebook.com.

- youtube.com.

- instagram.com.

- GV chốt kiến thức: + Một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet: thư điện tử, nhắn tin, gọi điện, diễn đàn, mạng xã hội. + Chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối người dùng, trò chuyện, trao đổi, chia sẻ, tìm kiếm và lưu trữ thông tin. + Mạng xã hội thường được tổ chức dưới dạng website. Mỗi mạng xã hội hướng tới một số chức năng và loại thông tin nhất định như: trò chuyện, thảo luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh, video, ... Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SGK tr.22, 23, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày về một số kênh trao đổi thông tin phổ biến trên Internet; một số chức năng cơ bản của mạng xã hội; trình bày địa chỉ website và một số chức năng chính của một vài mạng xã hội cụ thể. - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận: - GV chuyển sang nội dung mới.	- twitter.com. → Website này là mạng xã hội vì khi tham gia, em phải đăng kí tài khoản. Tại đây, em có quyền đăng tải các nội dung mà mình muốn. * Hoạt động 3: Ghi nhớ - SGK – tr.23
--	---

Hoạt động 2: Sử dụng mạng xã hội Facebook

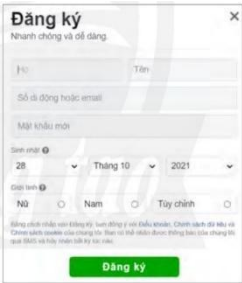
a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Biết cách tạo tài khoản mạng xã hội Facebook.
- Biết cách sử dụng một số chức năng của Facebook như: tạo tài khoản; đăng nhập, cập nhật thông tin cá nhân; tạo và đăng tải bài viết; bình luận, chia sẻ bài viết; kết bạn và trò chuyện.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin SGK tr.23 – 25, quan sát Hình 1-7 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội như facebook như tạo tài khoản; đăng nhập, cập nhật thông tin cá nhân; tạo và đăng bài viết; bình luận, chia sẻ bài viết; kết bạn và trò chuyện.

d. Tổ chức hoạt động:

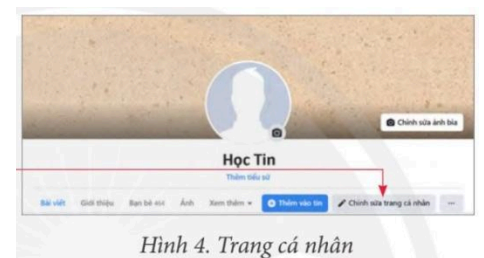
HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu, hướng dẫn HS đọc thông tin mục 2a - 2e, quan sát Hình 1-7, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: + Em hãy nêu các bước: tạo tài khoản Facebook; đăng nhập, cập nhật thông tin cá nhân; tạo và đăng tải bài viết; kết bạn và trò chuyện. + Em hãy kể tên các công việc người dùng có thể thực hiện được sau khi đã đăng nhập vào tài khoản Facebook. - GV thực hành để HS quan sát trực quan thao tác sử dụng facebook.	2. Sử dụng mạng xã hội Facebook * Hoạt động 1: Đọc (và quan sát) a) Tạo tài khoản Facebook - Bước 1: Truy cập website facebook.com.vn  - Bước 2: Lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt. - Bước 3: Chọn tạo tài khoản mới. Hình 1. Truy cập trang facebook.com - Bước 4: Nhập đầy đủ thông tin và hoàn tất phần Đăng kí.  Hình 2. Đăng kí tài khoản b) Đăng nhập và cập nhật thông tin cá nhân - Bước 1: Truy cập trang web facebook.com.vn.

- Bước 2: Nhập thông tin tài khoản rồi chọn nút đăng nhập.



Hình 3. Trang chủ facebook cá nhân (bảng tin)

- Bước 3: Nháy chuột vào tên tài khoản của em.



Hình 4. Trang cá nhân

- Bước 4: Nháy vào chỉnh sửa trang cá nhân và thực hiện theo hướng dẫn để cập nhật ảnh đại diện, ảnh bìa và các thông tin cá nhân.

c) Tạo và đăng tải bài viết

- Bước 1: Nháy chuột vào dòng trạng thái → Cửa sổ tạo bài viết mở ra:



Hình 5. Tạo, đăng tải bài viết

- Bước 2: Thực hiện tạo bài viết: gõ nội dung, thêm hình ảnh, video, biểu tượng cảm xúc, hoạt động,...
- Bước 3: Nháy chuột vào nút đăng để đăng tải bài viết lên.

d) Bình luận, chia sẻ bài viết

- Di chuyển lên nút *thích*, các biểu tượng cảm xúc hiện lên để lựa chọn.
- Nhấn chuột vào nút *bình luận*, để nhập ý kiến nhận xét.
- Nháy chuột vào nút *chia sẻ* và lựa chọn cách thức chia sẻ trong danh sách mở ra.



Hình 6. Bình luận, thể hiện cảm xúc, thái độ, chia sẻ bài viết

e) Kết bạn và trò chuyện

- Người dùng có thể có thể gửi lời mời kết bạn.
- Khi người được mời đồng ý kết bạn, hai người có thể trò chuyện với nhau thông qua ứng dụng Messenger.



Hình 7. Kết bạn và trò chuyện

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: Facebook có những chức năng nào sau đây?

- Tạo, đăng tải bài viết mới.
- Bình luận, chia sẻ bài viết đã có.
- Tìm kiếm, kết nối bạn bè.
- Trò chuyện với bạn bè.
- Theo dõi hoạt động trên facebook của người đã kết bạn.
- Chỉnh sửa hình ảnh, video.

- GV chốt lại kiến thức: Một số chức năng cơ bản của facebook: tạo, cập nhật hồ sơ cá nhân; tạo,

Hoạt động 2: Làm

Đáp án: A, B, C, D, E.

Hoạt động 3: Ghi nhớ - SGK – tr.26

đăng tải bài viết mới; bình luận, chia sẻ bài viết đã có; tìm kiếm, kết bạn và trò chuyện.

BƯỚC 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin SGK, quan sát Hình 1-7, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày một số chức năng cơ bản của mạng xã hội như facebook như tạo tài khoản; đăng nhập, cập nhật thông tin cá nhân; tạo và đăng bài viết; bình luận, chia sẻ bài viết; kết bạn và trò chuyện.
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

BƯỚC 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3: Tính hai mặt của mạng xã hội

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin SGK, quan sát Hình 8-10 SGK tr.26 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS nêu được những mặt tích cực của mạng xã hội.
- HS kể được một số lợi ích khi tham gia mạng xã hội.
- HS nêu được một số ví dụ cụ thể về những việc làm sai trái và hậu quả khi thực hiện những việc sai đó trên mạng xã hội.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------------	------------------

BƯỚC 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin SGK, quan sát Hình 8-10 SGK tr.26 và cho biết:

+ Em hãy nêu những lợi ích khi tham gia mạng xã hội. Tham gia mạng xã hội giúp ích gì cho em?

+ Tham gia mạng xã hội, người dùng có thể đối mặt với những nguy cơ nào?

+ Hãy nêu một số hành vi sử dụng mạng xã hội vào mục đích sai trái. Hậu quả của những hành vi này là gì?



Hình 8. Mạng xã hội kết nối bạn bè trên toàn thế giới



Hình 9. Nhắn tin xúc phạm qua mạng



Hình 10. Đăng tải thông tin giả mạo, sai sự thật

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

Bài tập 1. Đặc điểm nào sau đây là hạn chế của mạng xã hội?

A. Thông tin đa dạng, phong phú.

B. Có thể nhận được tin nhắn rác, lừa đảo, dọa nạt.

C. Có nguy cơ tiếp xúc với thông tin giả, sai sự thật, không phù hợp với lứa tuổi.

D. Học hỏi được từ những người có kinh nghiệm, hiểu biết.

Bài tập 2. Em hãy nêu những hậu quả xảy ra khi:

3. Tính hai mặt của mạng xã hội

* **Hoạt động 1: Đọc (và quan sát)**

- Những lợi ích khi tham gia mạng xã hội:

+ Người dùng nhanh chóng, dễ dàng tiếp cận nguồn thông tin đa dạng, phong phú.

+ Cập nhật, mở rộng và duy trì mối quan hệ.

+ Người dùng có thể cung cấp thông tin, bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.

+ Kết nối, giao lưu và học hỏi được những kiến thức, kĩ năng từ những người có kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu.

+ Tham gia diễn đàn, trao đổi kinh nghiệm học tập.

- Những nguy cơ người tham gia mạng xã hội có thể đối mặt:

+ Thông tin không chính xác, không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi.

+ Tin nhắn rác, lừa đảo, quấy rối, dọa nạt, phát tán mã độc.

- Một số hành vi sử dụng mạng xã hội vào mục đích sai trái:

+ Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, sai sự thật.

+ Xuyên tạc, làm hạ uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Nhắn tin quấy rối, đe dọa, bắt nạt người khác.

+ Kích động bạo lực, tệ nạn xã hội.

+ Quảng cáo, chia sẻ thông tin, hình ảnh hàng hóa bị cấm.

a) Sử dụng mạng xã hội để nhắn tin quấy rối, đe dọa, xúc phạm người khác. b) Thực hiện hành vi cắt, ghép hình ảnh, thông tin để đăng tải trên mạng xã hội nhằm mục đích gây hiểu lầm, bôi nhọ, nói xấu người khác. - GV chốt kiến thức: + Sử dụng thông tin vào mục đích sai trái, chia sẻ thông tin sai trái, thông tin từ nguồn không tin cậy có thể gây hậu quả cho người khác và chính bản thân. + Cần tuân thủ các quy định khi sử dụng mạng xã hội và các kênh trao đổi thông tin trên Internet. BƯỚC 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SGK, quan sát Hình 8-10 SGK tr.26 và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày những mặt tích cực của mạng xã hội; kể được một số lợi ích khi tham gia mạng xã hội; nêu một số ví dụ cụ thể về những việc làm sai trái và hậu quả khi thực hiện những việc sai đó trên mạng xã hội. - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. BƯỚC 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận - GV chuyển sang phần Luyện tập.	→ Người thực hiện những hành vi này sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật. * Hoạt động 2: Làm Bài tập 1. - Những hạn chế: B, C - Những mặt tích cực: A, D Bài tập 2. a) Sử dụng mạng xã hội để nhắn tin quấy rối, đe dọa, xúc phạm người khác. → Hậu quả: Bị xử lí theo quy định của pháp luật, có thể bị xử lí hành chính hoặc hình sự. b) Thực hiện hành vi cắt, ghép hình ảnh, thông tin để đăng tải trên mạng xã hội nhằm mục đích gây hiểu lầm, bôi nhọ, nói xấu người khác. → Hậu quả: Bị xử lí theo quy định của pháp luật, có thể bị phạt đến 20 triệu đồng. * Hoạt động 3: Ghi nhớ - SGK – tr.27
--	--

TIẾT 2:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm, phát biểu thảo luận để hoàn thành các bài tập.

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời câu hỏi 1, 2 phần Luyện tập SGK tr.27.

c. Sản phẩm học tập:

- HS nêu được đặc điểm của một website là mạng xã hội.
- HS nêu được ví dụ về việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái dẫn đến hậu quả cho người khác và cho chính người thực hiện.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu:

Bài tập 1. *Những đặc điểm nào sau đây cho biết một website là mạng xã hội?*

- A. Có chức năng tìm kiếm người dùng, kết bạn và giao lưu.*
- B. Cho phép người dùng đăng tải, chia sẻ với cộng đồng trực tuyến những thông tin như văn bản, hình ảnh, video...*
- C. Cung cấp công cụ cho người dùng tạo nhóm để trao đổi, chia sẻ thông tin.*
- D. Cho phép người dùng xem thông tin trên website.*

Bài tập 2. *Nêu ví dụ về việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái dẫn đến hậu quả cho người khác và cho chính người thực hiện.*

- GV hướng dẫn HS: *Tìm hiểu trong thực tiễn những ví dụ về hành vi sai trái trên mạng xã hội như: tung tin sai sự thật, dẫn đến người tung tin bị phạt tiền và người nhận được thông tin hoang mang, lo lắng; nói xấu, bôi nhọ, đe dọa người khác, làm ảnh hưởng đến sức khỏe tâm sinh lý, tính mạng của người khác và những người thực hiện hành vi này bị xử lý theo quy định của pháp luật.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tư liệu thực tế và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:

Bài tập 1: *Đáp án A, B, C.*

Bài tập 2: *Ví dụ:*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- Tạo được tài khoản, đăng nhập và cập nhật được thông tin cá nhân trên mạng xã hội.

- Sử dụng được một số chức năng của mạng xã hội như tìm kiếm, kết bạn, trò chuyện, đăng bài, chia sẻ bình luận.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hành theo hướng dẫn ở mục 2 (Sử dụng mạng xã hội Facebook), thực hành trên máy tính có kết nối Internet.

c. Sản phẩm học tập:

- HS sử dụng được một số chức năng chính của mạng xã hội: tạo được tài khoản cá nhân, đăng nhập, tìm kiếm, kết bạn, trò chuyện, đăng tin bài, chia sẻ bình luận.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS thành các nhóm.

- GV hướng dẫn các nhóm thực hành: *Theo hướng dẫn ở mục 2 (Sử dụng mạng xã hội Facebook), thực hành trên máy tính có kết nối Internet để:*

- + Tạo tài khoản, cập nhật thông tin nếu em muốn.*

- + Tìm kiếm và thực hiện kết bạn với một số bạn trong lớp của em. Thực hiện trò chuyện với bạn em qua tin nhắn.*

- + Tạo một bài viết có chữ, hình ảnh và chia sẻ bài viết với bạn bè.*

- + Bình luận, chia sẻ bài viết của bạn bè.*

- + Thoát khỏi mạng xã hội.*

- GV lưu ý HS:

- + HS đã có tài khoản mạng xã hội thì sử dụng tài khoản sẵn có để thực hành. Nếu HS lựa chọn các mạng xã hội khác thì cần tạo nhóm HS sử dụng cùng mạng xã hội để tương tác, hỗ trợ nhau trong tiết thực hành.*

- + Nội dung chỉ mang tính chất thực hành, HS có thể xóa nội dung tin, bài đăng trước khi thoát khỏi mạng xã hội.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hành theo nhóm, dưới sự hướng dẫn của GV.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 nhóm sử dụng được một số chức năng chính của mạng xã hội: tạo được tài khoản cá nhân, đăng nhập, tìm kiếm, kết bạn, trò chuyện, đăng tin bài, chia sẻ bình luận.

- GV yêu cầu các nhóm khác quan sát thao tác của nhóm bạn, nhận xét, góp ý.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Trao đổi, tạo được nhóm trên mạng xã hội để hỗ trợ nhau học tập, luyện tập thể thao.

b. Nội dung: GV nêu yêu cầu, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS hỗ trợ nhau học tập, luyện tập thể thao qua tạo nhóm trên mạng xã hội.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: *Em hãy trao đổi với bạn trong lớp và thực hiện tạo nhóm trên mạng xã hội để trao đổi, hỗ trợ nhau về học tập, luyện tập thể thao.*

- GV hướng dẫn HS:

+ HS trao đổi tên tài khoản cá nhân, tạo nhóm trên MXH theo nhóm, tổ, cả lớp.

+ HS sử dụng nhóm vừa được tạo để chia sẻ, trao đổi thông tin phục vụ, học tập, rèn luyện sức khỏe.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hành theo nhóm, dưới sự hướng dẫn của GV.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả trao đổi với bạn trong lớp và thực hiện tạo nhóm trên mạng xã hội để trao đổi, hỗ trợ nhau về học tập, luyện tập thể thao vào những tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

F. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học. Tiết sau kiểm tra giữa HKI

- Thực hành các thao tác sử dụng MXH facebook.

- Đọc và tìm hiểu trước **Bài 6: Văn hóa ứng xử qua phương tiện truyền thông số.**